

MỘT NHẬN DIỆN VỀ NHU CẦU TÌM VIỆC LÀM MỚI CỦA THANH NIÊN NÔNG THÔN VÙNG TÂY NAM BỘ

PHẠM NGỌC TÂN, HOÀNG VŨ LINH CHI*

TÔ THỊ HỒNG**

Tóm tắt: Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã tạo nhiều cơ hội việc làm cho thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, cơ hội việc làm không phải được tiếp nhận dễ dàng như nhau đối với các nhóm xã hội. Do đó, vấn đề xác định nhu cầu tìm kiếm việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ cần được quan tâm hơn nữa trong quá trình hoạch định các chính sách tạo việc làm trong giai đoạn tiếp theo.... Trong bài viết này, nhóm tác giả nhận diện nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ và những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tìm việc làm mới của họ. Dựa vào kết quả nghiên cứu thông tin trả lời của 140 thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ đang có việc làm, bài viết cho thấy: có sự khác biệt về nhu cầu tìm việc làm mới giữa các nhóm thanh niên khác nhau và nhu cầu đó chịu tác động đáng kể của các yếu tố: giới tính, trình độ học vấn, quy mô hộ gia đình và việc làm chính của họ tại thời điểm khảo sát.

Từ khóa: Việc làm mới, nhu cầu tìm việc làm mới, thanh niên nông thôn, Tây Nam Bộ

Abstract: Industrialization and modernization have created many job opportunities for rural youth in the Southwest region. However, job opportunities are not equally accessible to social groups. Therefore, the issue of identifying Rural youth employment needs in the Region needs to be given more attention, especially for future job creation policy planning. In this article, the authors identify the need to find new jobs for rural youth who lives in the Southwest region as well as influential factors. Based on the responses from 140 who lives in the rural youths Southwest region, the article has shown: there is a difference in the demand for finding new jobs between different groups of young people, which is significantly influenced by such factors as gender, education level, household size, and their main employment at the time of the survey.

Keywords: a new job, the need to find a new job, rural youth, the Southwest region

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

** Trường Đại học Lao động - Xã hội

Ngày nhận bài: 26/7/2022; Ngày phản biện: 29/08/2022; Ngày duyệt đăng: 27/2/2023

1. Đặt vấn đề

Vùng Tây Nam Bộ có tổng diện tích tự nhiên khoảng hơn 40 nghìn km², dân số trung bình khoảng hơn 17 triệu người và là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á (Tổng cục Thống kê, 2017). Theo Tổng cục Thống kê (2017), vùng Tây Nam Bộ đứng đầu trong cả nước về sản lượng lương thực có hạt (lúa, ngô và cây lương thực có hạt...) với 24.420 nghìn tấn và bình quân đầu người đạt 1382,7kg; đứng thứ 3 về thu nhập bình quân đầu người (2.798 nghìn đồng/người/tháng) và có tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,89% cao nhất cả nước (trong đó, ở nông thôn là 2,62% và ở thành thị là 3,73%). Điều đó cho thấy những thành tựu phát triển ở Tây Nam Bộ còn chưa tương xứng với những tiềm năng vốn có. Vấn đề xác định nhu cầu tìm kiếm việc làm của lao động nói chung và của thanh niên nông thôn nói riêng rất cần được quan tâm hơn nữa trong quá trình hoạch định các chính sách tạo việc làm trong giai đoạn phát triển tiếp theo của vùng Tây Nam Bộ.

Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở vùng Tây Nam Bộ đã tạo nhiều cơ hội việc làm cho thanh niên nông thôn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nhất định đã đạt được, vấn đề việc làm của thanh niên nông thôn trong vùng vẫn rất cần tiếp tục được quan tâm, nghiên cứu và hỗ trợ giải quyết trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Trong đó, cơ hội có việc làm không phải được tiếp nhận dễ dàng như nhau đối với các nhóm xã hội, mà có sự khác biệt dựa trên nhiều yếu tố như giới tính, độ tuổi, học vấn, địa bàn cư trú... (Nguyễn Văn Tiệp, 2017).

Trên bình diện nghiên cứu, đã có khá nhiều công trình tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến tìm kiếm việc làm và khả năng tìm được việc làm của lao động nông thôn với nhiều phương pháp và mô hình phân tích khác nhau. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc làm/sự tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn đã được chỉ ra là: tuổi, trình độ giáo dục/số năm đi học, chương trình tạo việc làm (Đoàn Thị Cẩm Vân và cộng sự, 2010; Trần Thị Minh Phương và cộng sự, 2014; Nguyễn Đình Phúc, 2017), quy mô hộ gia đình, thu nhập nông nghiệp (Đoàn Thị Cẩm Vân và cộng sự, 2010; Nguyễn Đình Phúc, 2017), giới tính (Trần Thị Minh Phương và cộng sự, 2014; Nguyễn Đình Phúc, 2017); các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của lao động trẻ bao gồm: giới tính, tình trạng hôn nhân của cha mẹ, quy mô hộ gia đình, nơi cư trú (Dang Nguyen Anh, Le Bach Duong, Nguyen Hai Van, 2005), môi trường làm việc phù hợp, khả năng đáp ứng công việc và năng lực của người lao động (Phạm Đức Thuận và Dương Ngọc Thành, 2015); các yếu tố tác động đến sự lựa chọn việc làm của thanh niên nông thôn khu vực Tây Nam Bộ bao gồm: tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân và mức sống hộ gia đình (Phạm

Ngọc Tân, 2018)... Nhìn chung, những nghiên cứu thực nghiệm về nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên và các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đó vẫn còn thiếu vắng và là chủ đề nghiên cứu cần được tập trung triển khai nghiên cứu nhiều hơn nữa nhằm cung cấp những luận cứ khoa học trong giai đoạn tiếp theo.

Bài viết trích xuất và phân tích sâu Bộ số liệu của Đề tài cấp nhà nước “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” được thực hiện từ năm 2016 đến năm 2018 do GS.TS. Đặng Nguyên Anh chủ nhiệm, nhằm nhận diện nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ và những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tìm việc làm mới của họ.

2. Khái niệm, số liệu và phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhu cầu tìm việc làm mới là những trạng thái thiếu hụt, đòi hỏi cần được đáp ứng của thanh niên về việc thay đổi việc làm của họ; điều đó có thể được nhận diện thông qua nhu cầu chuyển đổi từ nhóm việc làm này sang nhóm việc làm khác. Thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu bao gồm những người từ 16 đến 35 tuổi sinh sống trong các hộ gia đình ở nông thôn vùng Tây Nam Bộ đang làm việc và có nhu cầu tìm việc làm mới tại thời điểm khảo sát.

Từ Bộ số liệu gốc của Đề tài KHCN/14-19/X05 đã khảo sát năm 2016¹, nghiên cứu sử dụng số liệu từ nội dung trả lời của 140 thanh niên từ 16 đến 35 tuổi (không bao gồm học sinh và sinh viên) ở các xã Vĩnh Hanh, xã An Hòa, xã Bình Hòa (huyện Châu Thành, tỉnh An Giang), xã Đa Lộc, xã Hòa Lợi (huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), xã An Thạnh (Thị xã Bến Lức, tỉnh Long An) và xã Mỹ Phong (Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) đang làm việc và có nhu cầu tìm việc làm mới tại thời điểm khảo sát để phục vụ cho bài viết này. Trong đó, mẫu nghiên cứu có sự phân bố theo các đặc điểm nhân khẩu - xã hội của người trả lời như sau: nhóm tuổi (35,7% người từ 16-24 tuổi; 35% người từ 25-30 tuổi; 29,3% người từ 31-35 tuổi), giới tính (nam giới chiếm 57,9%; nữ giới chiếm 42,1%), trình độ học vấn (tiểu học trở xuống là 46,4%; THCS và THPT là 33,6%; học nghề và trung cấp trở lên là 20%), dân tộc (dân tộc Kinh là 52,1%; dân tộc khác là 47,9%), tình trạng hôn nhân (hiện có vợ/chồng là 56,4%; 43,6% hiện không có vợ/chồng là 56,4%).

Bài viết sử dụng phần mềm SPSS để tập trung phân tích các mối tương quan 2 biến số (giữa nhu cầu tìm việc làm mới và các đặc điểm nhân khẩu - xã hội của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu) nhằm nhận diện sự khác biệt giữa các nhóm

¹ Bao gồm thông tin phỏng vấn trực tiếp 3.304 cá nhân từ 15-65 tuổi trong 1.512 hộ gia đình tại 5 tỉnh là An Giang, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ.

thanh niên về nhu cầu tìm việc làm mới của họ và sử dụng mô hình Multinomial Logistic Regression để phân tích các yếu tố tác động đến nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ để thực hiện mục tiêu bài viết.

Theo Nguyễn Đăng Hào (2012), mô hình logit đa thức (Multinomial Logit Model) là sự phát triển của mô hình hồi qui nhị phân (binomial logit), nó thường được sử dụng trong nghiên cứu định lượng để giải thích mối quan hệ của một biến phụ thuộc định tính có thể lấy các giá trị Bội số (multiple values) với các biến giải thích. Phương trình mô hình hồi qui logistic có dạng:

$$\text{Log}(\text{odds} = p/1-p) = \beta_1x_1 + \beta_2x_2 + \dots + \beta_nx_n$$

Trong đó: x_1, x_2, \dots, x_n là các biến độc lập. $\text{odds} = p/1-p$ là tỷ số giữa p (là xác suất để biến phụ thuộc nhận giá trị thứ nhất: chẳng hạn là 1) và $1-p$ là xác suất còn lại để biến phụ thuộc nhận giá trị còn lại (giá trị thứ hai: chẳng hạn là 0).

Mô hình hồi qui logistic đa thức (multinomial logistic) tương tự như mô hình hồi qui logistic nhị thức nhưng biến phụ thuộc là biến định tính có lớn hơn 2 giá trị (trạng thái). Kết quả từ mô hình logit đa thức cho chúng ta biết tác động khi thay đổi giá trị của một biến tới những khả năng tương đối (relative probabilities) của hai trong các kết quả có thể thu được (Nguyễn Đăng Hào, 2012). Mô hình này được áp dụng phổ biến trong các nghiên cứu về giảm nghèo, về phân tích tác động của chính sách, về phân tích tài chính (Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang, 2011, dẫn theo Nguyễn Thị Hải Ninh, 2021). Vì vậy, trong phạm vi bài viết này mô hình được áp dụng cụ thể như sau:

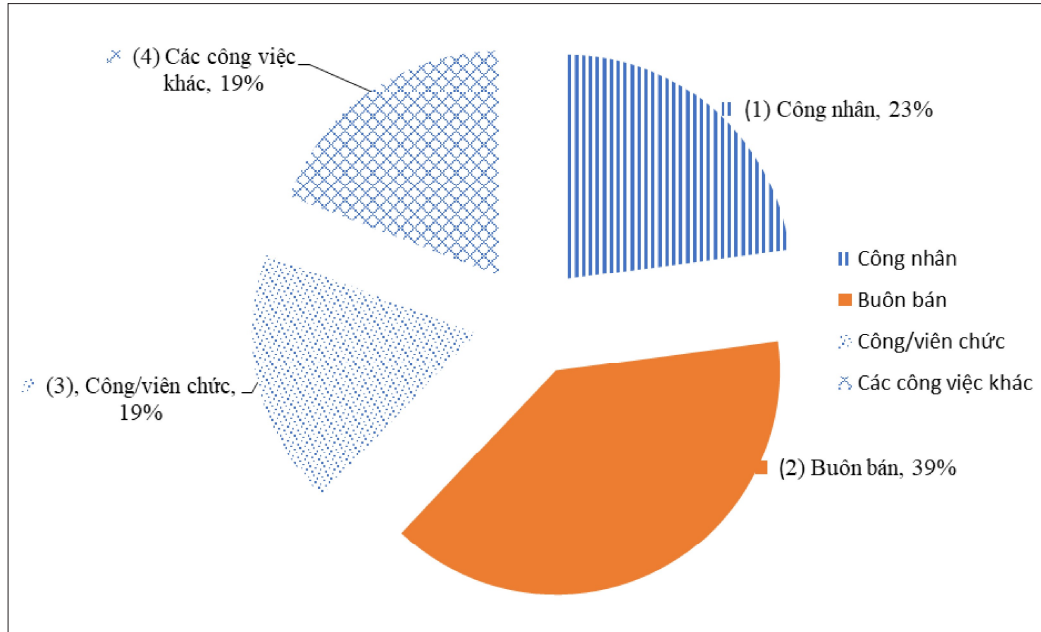
$$\text{Log}(p_i / p_j) = \alpha_{ij} + \beta_{ij1}X_1 + \beta_{ij2}X_2 + \dots + \epsilon_{ij}$$

Trong đó, biến số phụ thuộc là nhu cầu tìm việc làm mới của người trả lời tại thời điểm tham chiếu (gồm 04 trạng thái: công nhân, buôn bán, công/viên chức và các công việc khác) và các biến số độc lập (tuổi, giới tính, dân tộc, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, quy mô hộ gia đình, số lao động trong hộ gia đình, việc làm chính tại thời điểm khảo sát và tình trạng theo dõi thông tin việc làm của người trả lời (chi tiết ở bảng 1).

3. Kết quả phân tích

3.1. Phân tích hai biến

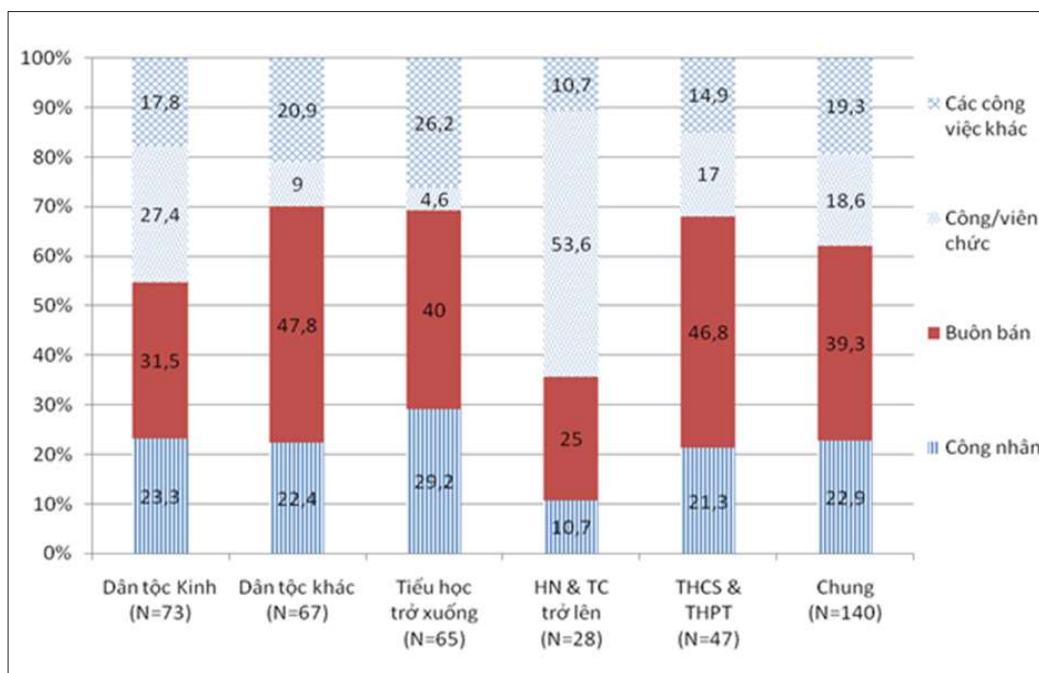
Dựa vào nguồn số liệu nghiên cứu, nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong bài viết này được chia thành bốn nhóm việc làm mới cần tìm theo nhu cầu của họ tại thời điểm khảo sát, bao gồm: (1) công nhân, (2) buôn bán, (3) công/viên chức và (4) Các công việc khác.



Biểu 1. Nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ
(N=140; ĐVT: %)

(Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ số liệu của Đề tài KHCVN/14-19/X05)

Số liệu biểu 1 cho thấy, phần lớn nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ tập trung ở các nhóm buôn bán (39,3%) và công nhân (22,9%). Trong tổng số 19,3% thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ có nhu cầu tìm “Các công việc khác”, nhu cầu tìm việc làm mới là nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp (5,7%). Điều này có thể được lý giải bởi xu hướng giảm tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp và tăng lên ở các ngành dịch vụ và công nghiệp. Qua đánh giá của CIEM, những năm vừa qua, lao động đã dịch chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ (Minh Chiến, 2021). Bên cạnh đó, Tây Nam Bộ là vựa lúa lớn của cả nước, phần lớn cư dân sống dựa vào nông nghiệp, nhưng họ lại không muốn con cái mình làm những nghề liên quan đến nông nghiệp đã phản ánh một xu hướng ly nông của cư dân địa phương và họ mong muốn con cái mình làm những nghề mang tính kỹ thuật cao hơn và ít gắn với nông nghiệp hơn (Hà Thúc Dũng & Nguyễn Ngọc Anh, 2012).

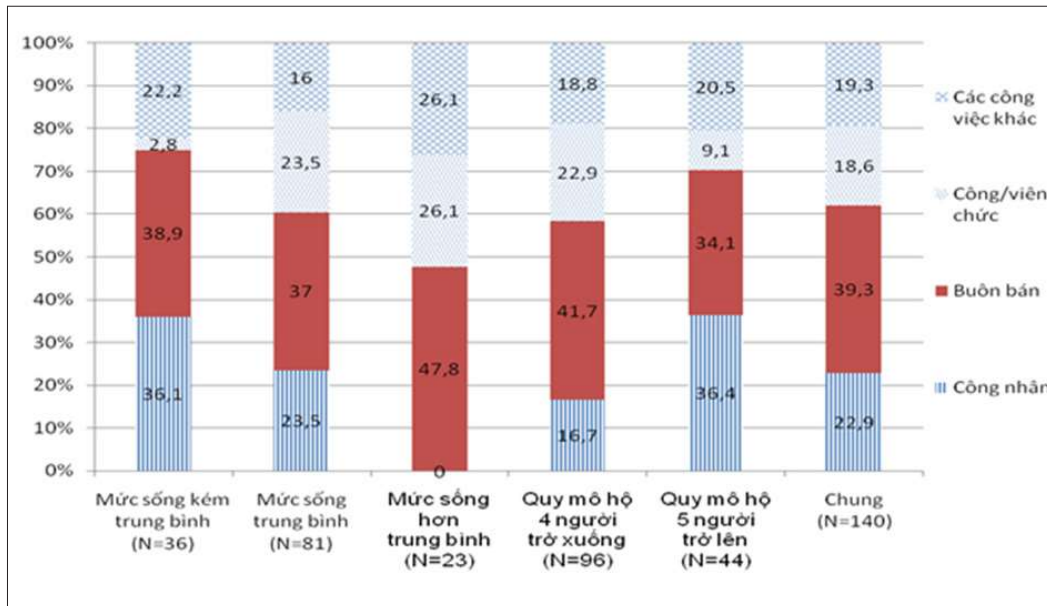


Biểu 2. Nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo dân tộc và trình độ học vấn (%)

(Nguồn: Đặng Nguyên Anh, 2018)

Biểu 2 cung cấp bức tranh về nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo dân tộc (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. = 0,03). Trong khi nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức và công nhân có tỷ lệ tập trung nhiều hơn ở nhóm thanh niên dân tộc Kinh (với tỷ lệ lần lượt là 27,4% và 23,3%) thì nhu cầu tìm việc làm mới là buôn bán và Các công việc khác có tỷ lệ tập trung nhiều hơn ở nhóm thanh niên dân tộc khác (với tỷ lệ lần lượt là 47,8% và 20,9%). Số liệu Biểu 2 cũng đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo học vấn (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. = 0,000). Theo đó, tỷ lệ thanh niên có nhu cầu tìm việc làm mới là buôn bán chủ yếu tập trung ở các nhóm có trình độ trung học phổ thông trở xuống (46,8% ở nhóm THCS&THPT và 40% ở nhóm Tiểu học trở xuống). Trong khi nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức có tỷ lệ tập trung nhiều nhất ở nhóm thanh niên có trình độ học nghề và trung cấp trở lên (53,6%) và nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân và Các công việc khác có tỷ lệ tập trung nhiều nhất ở nhóm thanh niên có trình độ tiểu học trở xuống (với tỷ lệ lần lượt là 29,2% và 26,2%) thì ngược lại nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức có tỷ lệ tập trung ít nhất ở nhóm thanh niên có trình độ học vấn tiểu học trở xuống (4,6%) và nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân và Các công việc khác đều có tỷ lệ tập trung ít nhất ở nhóm thanh niên có trình độ học nghề và trung cấp trở lên (cùng là 10,7%).

Theo Nguyễn Công Mạnh (2007), trình độ học vấn thấp, nhất là các xã vùng sâu, vùng dân tộc Khmer là lực cản không nhỏ ảnh hưởng đến việc tiếp thu và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống của người dân địa phương. Bên cạnh đó, Hà Thúc Dũng và Nguyễn Ngọc Anh (2012) cho rằng: điều kiện kinh tế - xã hội của gia đình và học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng rất lớn trong việc mong muốn học hành cho con cái của mình. Những gia đình nào có kinh tế khá giả, trình độ học vấn của cha mẹ cao thì mong muốn con mình học ở những bậc cao hơn còn những gia đình nghèo, trình độ học vấn thấp thì họ ít mong muốn con cái mình học cao lên.



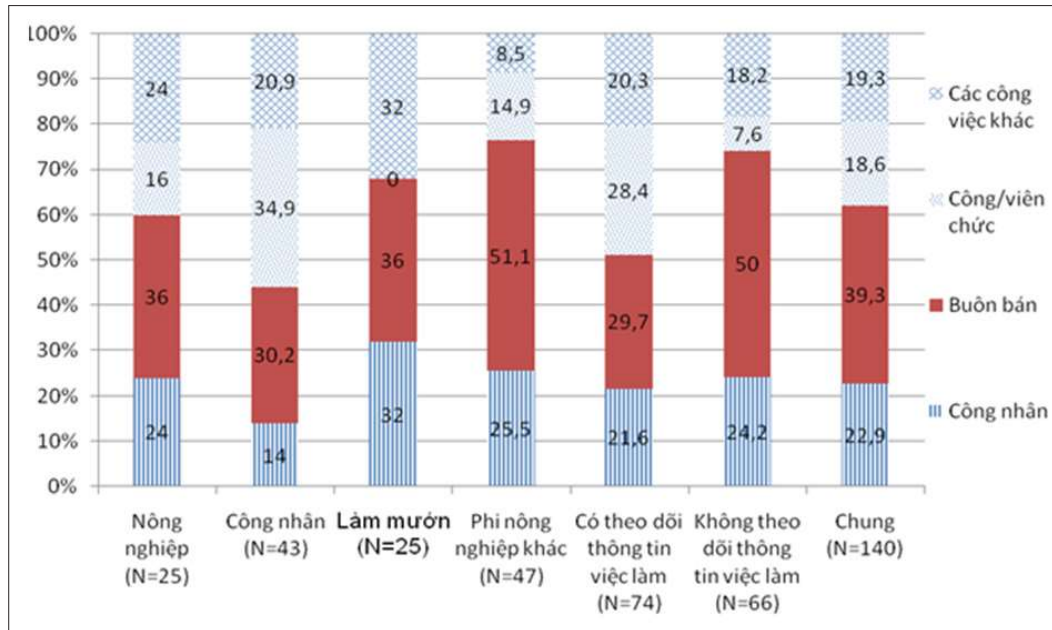
Biểu 3. Nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo mức sống và quy mô hộ gia đình (%)

(Nguồn: Đặng Nguyễn Anh, 2018)

Số liệu ở Biểu 3 đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo mức sống của hộ gia đình (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. = 0,012). Có thể nhận thấy, trong khi nhu cầu tìm việc làm mới là “công nhân” có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có mức sống kém trung bình (36,1%) và trung bình (23,5%) thì nhu cầu tìm việc làm mới là “buôn bán” và “công/viên chức” có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có mức sống hơn trung bình (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 47,8% và 26,1%). Kết quả nghiên cứu của Hà Thúc Dũng và Nguyễn Ngọc Anh (2012) cũng đã cho thấy: điều kiện kinh tế - xã hội của gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc định hướng nghề nghiệp cho con cái của họ sau này. Những gia đình khá giả, trình độ học vấn của cha mẹ càng cao thì mong muốn con mình làm những nghề mang tính kỹ năng tay nghề cao hơn, còn những gia đình nghèo, học vấn của cha mẹ thấp thì mong con mình làm những nghề ít đòi hỏi kỹ năng hơn.

Ngoài ra, số liệu ở biểu 3 cũng đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo quy mô hộ gia đình (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. = 0,033). Trong khi nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân có tỷ lệ tập trung nhiều hơn ở nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có quy mô từ 5 người trở lên (36,4%) và tập trung ít hơn ở nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có quy mô từ 4 người trở xuống (16,7%) thì nhu cầu tìm việc làm mới là buôn bán và công/viên chức có tỷ lệ tập trung nhiều hơn ở nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có từ 4 người trở xuống (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 41,7% và 22,9%) và tập trung ít hơn ở nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có quy mô từ 5 người trở lên (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 34,1% và 9,1%).

Biểu 4 cũng đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo tình trạng quan tâm thông tin việc làm (sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị kiểm định Pearson Chi-Square có sig. = 0,008). Theo đó, nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở nhóm thanh niên có theo dõi thông tin việc làm (28,4%), nhu cầu tìm việc làm mới là buôn bán và công nhân tập trung nhiều hơn ở nhóm thanh niên không theo dõi thông tin việc làm (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 50% và 24,2%). Bên cạnh đó, số liệu biểu 4 cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo việc làm chính tại thời điểm khảo sát (kiểm định Fisher cho thấy những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với sig. = 0,006). Dễ nhận thấy, trong khi “nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân” có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm thanh niên có “việc làm chính là làm mướn” (32%), “phi nông nghiệp khác” (25,5%), “nông nghiệp” (24%) thì “nhu cầu tìm việc làm mới là buôn bán” có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở nhóm thanh niên có “việc làm chính là phi nông nghiệp khác” (51,1%) và “nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức” có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở nhóm thanh niên có “việc làm chính là công nhân” (34,9%). Điều này khá phù hợp với những phân tích trên đây về các mối tương quan giữa nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ với các đặc điểm nhân khẩu - xã hội học và góp phần củng cố thêm những cơ sở khoa học cho việc lập và triển khai thực hiện các dự án tạo việc làm để có thể thu hút thanh niên nông thôn của vùng tham gia vào thị trường lao động và nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn tiếp theo.



Biểu 4. Nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chia theo tình trạng theo dõi thông tin việc làm và việc làm chính (%)

(Nguồn: Đặng Nguyễn Anh, 2018)

3.2. Phân tích đa biến

Những phân tích ở trên đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau (có cả những yếu tố từ bản thân người lao động và những yếu tố bên ngoài)... Mỗi yếu tố sẽ ảnh hưởng khác nhau đến nhu cầu tìm việc làm của người lao động ở một trong bốn trạng thái: công nhân, buôn bán, công/viên chức và các công việc khác. Để lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tìm việc làm của người trả lời, nhóm nghiên cứu sử dụng mô hình logit đa biến với thông tin về các biến được mô tả cụ thể trong Bảng 1.

Bảng 1. Tóm tắt mô hình hồi quy

	Các biến số	N	Tỷ lệ (%)
Nhu cầu tìm việc làm mới (Biến số phụ thuộc)	Công nhân	32	22,9
	Buôn bán	55	39,3
	Công/viên chức	26	18,6
	Các công việc khác (nhóm tham chiếu)	27	19,3
Giới tính	Nam	81	57,9
	Nữ (nhóm tham chiếu)	59	42,1

	Các biến số	N	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn	Tiểu học trở xuống	65	46,4
	HN&TC trở lên	28	20
	THCS&THPT (nhóm tham chiếu)	47	33,6
Dân tộc	Kinh	73	52,1
	Dân tộc khác (nhóm tham chiếu)	67	47,9
Tình trạng hôn nhân	Hiện không có vợ/chồng	61	43,6
	Hiện có vợ/chồng (nhóm tham chiếu)	79	56,4
Mức sống của hộ gia đình	Kém trung bình	36	25,7
	Hơn trung bình	23	16,4
	Trung bình (nhóm tham chiếu)	81	57,9
Quy mô hộ gia đình	4 người trở xuống	96	68,6
	5 người trở lên (nhóm tham chiếu)	44	31,4
Số lao động trong hộ gia đình	3 người trở xuống	74	52,9
	4 người trở lên (nhóm tham chiếu)	66	47,1
Việc làm chính tại thời điểm khảo sát	Nông nghiệp	25	17,9
	Làm thuê	25	17,9
	Phi nông nghiệp khác	47	33,6
Theo dõi thông tin việc làm	Công nhân (nhóm tham chiếu)	43	30,7
	Có theo dõi	74	52,9
	Không theo dõi (nhóm tham chiếu)	66	47,1
	Tổng	140	100

Kết quả phân tích hồi quy ở bảng 2 đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chịu tác động đáng kể bởi nhiều yếu tố (giới tính, trình độ học vấn, quy mô hộ gia đình, việc làm chính của họ tại thời điểm khảo sát). Cụ thể như sau:

Về giới tính, so với nhóm tham chiếu là “nữ thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ” thì nhóm nam giới có nhu cầu tìm việc làm mới là “công/viên chức” nhiều hơn là nhu cầu tìm việc làm mới là “các công việc khác”.

Về trình độ học vấn, so với nhóm tham chiếu là “thanh niên có trình độ học vấn trung học cơ sở và trung học phổ thông” thì nhóm “thanh niên có trình độ học vấn học nghề và trung cấp trở lên” có nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức nhiều hơn là nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân và so với nhóm tham chiếu là “thanh niên có trình độ học vấn

trung học cơ sở và trung học phổ thông” thì nhóm “thanh niên có trình độ tiểu học” có nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức ít hơn là nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân.

Về quy mô hộ gia đình, so với nhóm tham chiếu là thanh niên trong các hộ gia đình có từ 5 người trở lên thì nhóm thanh niên trong các hộ gia đình có từ 4 người trở xuống có nhu cầu tìm việc làm mới là “công nhân” ít hơn nhu cầu tìm việc làm mới là “các công việc khác”.

Về việc làm chính tại thời điểm khảo sát, so với nhóm tham chiếu là thanh niên là “công nhân” thì thanh niên ở nhóm “phi nông nghiệp khác” có nhu cầu tìm việc làm mới là “công nhân” nhiều hơn nhu cầu tìm việc làm mới là “các công việc khác”.

Bảng 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ

Biến số phụ thuộc (Nhu cầu tìm việc làm mới: “Các công việc khác” là nhóm tham chiếu)		Hệ số hồi quy B	Tỷ số chênh Exp(B)
	Hằng số	1.681	
Công nhân	Quy mô hộ gia đình: 4 người trở xuống	-1.616*	0.199
	5 người trở lên (nhóm tham chiếu)	0	
	Việc làm chính: Phi nông nghiệp khác	1.693 ^a	5.436
	Công nhân (nhóm tham chiếu)	0	
Buôn bán	Hằng số	3.019	
	Trình độ học vấn: Tiểu học trở xuống	-1.179 ^a	0.308
	THCS&THPT (nhóm tham chiếu)	0	
Công/viên chức	Hằng số	-1.419	
	Giới tính: Nam	1.674*	5.332
	Nữ (nhóm tham chiếu)	0	
	Trình độ học vấn: HN&TC trở lên	2.050*	7.764
	THCS&THPT (nhóm tham chiếu)	0	

(Chú thích: ^a mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 1%; Nagelkerke Pseudo R-Square= 0,533; Trong kiểm định Chi-square Pearson: sig. = 0,904).

(Nguồn: Đặng Nguyên Anh, 2018)

4. Kết luận

Kết quả phân tích đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ khá phong phú, đa dạng và có sự khác biệt đáng kể về nhu cầu tìm việc làm mới giữa các nhóm thanh niên nông thôn trong mẫu nghiên cứu.

Nhu cầu tìm việc làm mới là công nhân có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm thanh niên có trình độ học vấn từ tiểu học trở xuống, có mức sống kém trung bình, có quy mô hộ gia đình từ 5 người trở lên, có việc làm chính tại thời điểm khảo sát là làm mướn và không theo dõi thông tin việc làm. Nhu cầu tìm việc làm mới là buôn bán có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm thanh niên dân tộc khác, có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống, có mức sống hơn trung bình. Nhu cầu tìm việc làm mới là công/viên chức có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm thanh niên dân tộc Kinh, có trình độ học nghề và trung cấp trở lên, có mức sống trung bình trở lên, có quy mô hộ gia đình từ 4 người trở xuống, có việc làm chính tại thời điểm khảo sát là công nhân và có theo dõi thông tin việc làm. Kết quả phân tích hồi quy cũng đã cho thấy nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ chịu tác động đáng kể của các yếu tố: giới tính, trình độ học vấn, quy mô hộ gia đình và việc làm chính của họ tại thời điểm khảo sát.

Với những hạn chế nhất định về nguồn lực của một nghiên cứu có quy mô không lớn, bài viết chưa thể phác họa đầy đủ bức tranh về nhu cầu tìm việc làm mới của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ. Do đó, cần triển khai thêm những nghiên cứu với quy mô rộng và sâu hơn về chủ đề này để có thể cung cấp những luận cứ khoa học xác thực hơn nữa làm cơ sở cho việc xây dựng các dự án tạo việc làm và hoạch định chiến lược phát triển thanh niên nông thôn của vùng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Dang Nguyen Anh, Le Bach Duong & Nguyen Hai Van (2005). Youth employment in Viet Nam: Characteristics, dererminants and policy responses. Lấy từ: http://www.oit.org/wcm5/groups/public/---ed_emp/---emp_elm/documents/publication/wcms_114146.pdf
- Đặng Nguyên Anh (2018). *Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*. Đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Hà Thúc Dũng & Nguyễn Ngọc Anh (2012). Định hướng học tập và nghề nghiệp cho con cái của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 7(167), tr.45-53.
- Vũ Mạnh Lợi (2015). Lao động, việc làm ở Việt Nam sau 30 năm Đổi mới. *Tạp chí Xã hội học*, 4(132), tr. 73-80.
- Trịnh Duy Luân (2016). Một số chiều cạnh trong biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, 4(136), tr 9-20.
- Minh Chiến (2021). Cần thay đổi cơ chế phân bổ nguồn lực lao động. Lấy từ: <https://nld.com.vn/cong-doan/can-thay-doi-co-che-phan-bo-nguon-luc-lao-dong-20210426210155368.htm>

- Nguyễn Đăng Hào (2012). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược sinh kế của các nông hộ tại vùng cát ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 73(3), tr. 93-103.
- Nguyễn Công Mạnh (2007). Tìm hiểu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Tịnh Biên - An Giang trong thời kỳ Đổi Mới (1986-2006). *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 11+12 (111+112), tr. 25-56.
- Nguyễn Thị Hải Ninh (2021). Việc làm và đời sống của người lao động tại khu công nghiệp Quế Võ tỉnh Bắc Ninh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 291(2), tr. 4-14.
- Nguyễn Đình Phúc (2017). Các yếu tố tác động đến khả năng tham gia việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. *Tạp chí khoa học Trường Đại học An Giang*, 13(1), tr. 11-18.
- Nguyễn Văn Phúc & Huỳnh Thanh Phương (2011). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình ở huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh*, 6(2), tr. 15-26.
- Trần Thị Minh Phương & Nguyễn Thị Minh Hiền (2014). Các yếu tố ảnh hưởng khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 55(6), tr. 58-66.
- Phạm Ngọc Tân (2018). Sự lựa chọn việc làm của thanh niên nông thôn khu vực Tây Nam Bộ (vài nhận diện qua việc phân tích số liệu thứ cấp). *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 3, tr. 44-51.
- Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Hà Nội: Nxb Lao động - Xã hội.
- Phạm Đức Thuận & Dương Ngọc Thành (2015). Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 36.
- Nguyễn Văn Tiệp (2017). *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói của người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổng cục Thống kê (2017). *Niên giám thống kê 2016*. Hà Nội: Nxb Thống kê.
- Tổng cục Thống kê (2020). *Báo cáo điều tra lao động và việc làm năm 2019*. Hà Nội: Nxb Thống kê.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
- Đoàn Thị Cẩm Vân, Lê Long Hậu & Vương Quốc Duy (2010). Vai trò của các hoạt động phi nông nghiệp đối với việc xóa đói giảm nghèo ở Trà Vinh. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, số 241, tr. 44-47.